

Số: /KH-SYT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Phân bổ số lượng thẻ bảo hiểm y tế cho cơ sở khám bệnh,
chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu năm 2026

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch phân bổ số lượng thẻ bảo hiểm y tế cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu năm 2026 với các nội dung, cụ thể như sau:

I. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ THẺ BẢO HIỂM Y TẾ

Nguyên tắc phân bổ số lượng thẻ bảo hiểm y tế cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 26 của Luật Bảo hiểm y tế, cụ thể như sau:

1. Bảo đảm cân đối, phù hợp với nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu của người dân và quy định tại Điều 7 Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

2. Phù hợp với khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế về chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và xử trí cấp cứu ban đầu, số lượt khám bệnh, chữa bệnh, chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hằng năm, số lượt khám trên 01 bàn khám trong 01 ngày, điều kiện hoạt động về cơ sở vật chất, nhân lực, cung ứng thuốc, trang thiết bị theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy mô giường bệnh (nếu có) và quy định tại Điều 6 Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế.

3. Phù hợp với khả năng thực tế tại địa phương bao gồm: cân đối với số lượng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong từng cấp chuyên môn kỹ thuật và giữa các cấp chuyên môn kỹ thuật trên địa bàn; ưu tiên phân bổ thẻ bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc cấp ban đầu; cân đối, hợp lý về cơ cấu các nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế.

II. KẾ HOẠCH PHÂN THẺ

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nghiệp vụ Y

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng Kế hoạch phân bổ số lượng thẻ bảo hiểm y tế cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu năm 2026 trên địa bàn thành phố.

- Phối hợp với Bảo hiểm xã hội thành phố rà soát, điều chỉnh số lượng thẻ bảo hiểm y tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cần thiết để bảo đảm quy định hoặc khi người tham gia bảo hiểm y tế đăng ký mới hoặc yêu cầu thay đổi đăng ký cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Thống kê số lượt khám bệnh, chuyển cấp chuyên môn kỹ thuật hàng tháng, quý, cả năm. Phối hợp với Phòng Nghiệp vụ Y xây dựng Kế hoạch phân bổ; điều chỉnh số lượng thẻ bảo hiểm y tế cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu năm 2026 trên địa bàn thành phố.

3. Phòng Tổ chức - Hành chính

Thông báo công khai số lượng thẻ bảo hiểm y tế đã phân bổ cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên Trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

4. Đề nghị Bảo hiểm xã hội thành phố

- Trước ngày 31 tháng 10 hằng năm, cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về số lượng, cơ cấu đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thực tế đã đăng ký cho Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; thông tin về số lượt khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh cho Sở Y tế làm căn cứ xem xét, tổ chức việc phân bổ số lượng thẻ bảo hiểm y tế cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu trên địa bàn quản lý.

- Tổ chức cho người tham gia bảo hiểm y tế đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu, thay đổi nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu theo quy định.

- Định kỳ cuối tháng đầu tiên của mỗi quý, cơ quan bảo hiểm xã hội thông báo thông tin về số lượng thẻ mà các đối tượng đã đăng ký tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về Sở Y tế để tổng hợp, kịp thời rà soát, điều chỉnh số lượng thẻ bảo hiểm y tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cần thiết.

- Đăng tải công khai thông tin về số lượng, cơ cấu đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thực tế đã đăng ký của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc tỉnh trên Trang thông tin điện tử của cơ quan bảo hiểm xã hội.

5. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

- Thực hiện nghiêm việc khám bệnh, chữa bệnh và chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định tại Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

- Bảo đảm đầy đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, các quy định của Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế và pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, bảo hiểm y tế.

- Công khai kết quả xếp cấp chuyên môn kỹ thuật kèm theo số điểm trên Trang thông tin điện tử của cơ sở và tại nơi đón tiếp người bệnh.

- Tư vấn, hướng dẫn cho người tham gia bảo hiểm y tế về các bệnh được đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu mà không phải thực hiện thủ tục chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong danh mục quy định tại Thông tư này khi người bệnh tự đến khám bệnh, chữa bệnh để bảo đảm quyền lợi của người bệnh.

6. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ khác thuộc Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch phân bổ số lượng thẻ bảo hiểm y tế cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu năm 2026. Sở Y tế đề nghị các phòng chuyên môn, các đơn vị thuộc Sở, các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp, triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để báo cáo);
- Vụ BHYT, BHYT (để báo cáo);
- Giám đốc, các PGĐ SYT;
- BHXH TP (để phối hợp);
- Các phòng chuyên môn SYT;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các cơ sở KCB trên địa bàn TP;
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

Lê Minh Quang

PHỤ LỤC
PHÂN BỐ THẺ BHYT CHO CÁC CƠ SỞ KCB BHYT BAN ĐẦU NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-SYT ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã CSKCB	Tên cơ sở KCB BHYT	Cấp CMKT	Điểm xếp cấp CMKT	Kế hoạch thẻ năm 2025	Số thẻ đã đăng ký KCB BD đến 31/10/2025	Kế hoạch thẻ năm 2026	Ghi chú
1	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Cấp chuyên sâu	73	2.924	2.963,77	2.924	Chỉ tiếp nhận đối tượng KCB BD nội tỉnh (Cán bộ lão thành cách mạng; Cán bộ tiền khởi nghĩa; Cán bộ lãnh đạo từ cấp cục, vụ, viện và tương đương trở lên đã nghỉ hưu trên địa bàn; cán bộ thuộc diện Ban thường vụ Thành ủy quản lý (đương chức và nghỉ hưu); một số cán bộ khác do Ban thường vụ Thành ủy quyết định tại quy định số 568-QĐ/TU ngày 14/3/2022 về công tác quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ thành phố)
2	31168	Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	Cấp cơ bản	44	80.000	67.976,76	100.000	
3	31142	Viện Y học biển	Cấp cơ bản	43	43.160	50.181,89	64.506	
4	31031	Bệnh viện Kiến An	Cấp cơ bản	50	10.000	2.256,99	26.492	Chỉ tiếp nhận đối tượng KCB BD nội tỉnh (cán bộ, viên chức đang làm việc tại Bệnh viện Kiến An; Người có công với Cách mạng sinh sống trên địa bàn phường Kiến An

STT	Mã CSKCB	Tên cơ sở KCB BHYT	Cấp CMKT	Điểm xếp cấp CMKT	Kế hoạch thẻ năm 2025	Số thẻ đã đăng ký KCB BD đến 31/10/2025	Kế hoạch thẻ năm 2026	Ghi chú
								và phường Phù Liễn; người dân sinh sống trên địa bàn phường Phù Liễn: Tổ dân phố (TDP) Lý Thường Kiệt 1, TDP Đồng Tử 1, TDP Đồng Tử 2, TDP Đồng Tử 3, TDP Gò Công 1, TDP Gò Công 2, TDP Quy Tức 1, TDP Quy Tức 2, Tổ 9, Tổ 10, TDP Đường Đò, TDP Cạn Sơn, TDP Thi Đua, TDP Trần Phú, TDP Minh Khai, TDP Lý Thường Kiệt 2 (1072 người), TDP Kiến Thiết, TDP Đầu Phượng 1, TDP Đầu Phượng 2, TDP Đầu Vũ
5	31336	Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng - Vĩnh Bảo	Cấp cơ bản	18	12.000	2.958,82	12.000	
6	31324	Bệnh viện Quốc tế Green	Cấp cơ bản	31	10.000	7.919,27	10.000	
7	31338	Bệnh viện Quốc tế Sản Nhi Hải Phòng	Cấp cơ bản	31	20.000	6.499,71	20.000	Chỉ tiếp nhận KCB BD đối với trẻ em dưới 16 tuổi nội tỉnh
8	31313	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng	Cấp cơ bản	34	160.000	196.162,3	160.000	
9	31016	Viện Y học Hải Quân/Viện Y học- Cục Hậu cần- Kỹ thuật Quân chủng Hải quân	Cấp cơ bản	53	33.800	33.248,3	48.800	
10	31002	Trung tâm y tế Hồng Bàng	Cấp cơ bản	17	75.000	75.861,08	75.000	
11	31329	Phòng khám đa khoa Hải Phòng	Cấp ban đầu		6.800	5.257,06	6.800	
12	31558	Bệnh viện đa khoa Gold Star	Cấp cơ bản	22	12.059	618,15	12.059	
13	31003	Trung tâm Y tế Ngô Quyền	Cấp cơ bản	27	110.400	93.570,85	110.400	

STT	Mã CSKCB	Tên cơ sở KCB BHYT	Cấp CMKT	Điểm xếp cấp CMKT	Kế hoạch thẻ năm 2025	Số thẻ đã đăng ký KCB BD đến 31/10/2025	Kế hoạch thẻ năm 2026	Ghi chú
14	31017	Bệnh viện Công an thành phố Hải Phòng	cấp cơ bản	3	5.000	3215	5.000	
15	31037	Phòng khám đa khoa 81 Đà Nẵng	Cấp ban đầu		2.000	947,81	2.000	
16	31018	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	Cấp ban đầu		3.934	2.699,46	3.934	Chỉ tiếp nhận KCB BD đối với cán bộ công nhân viên chức của một số đơn vị trực thuộc ngành giao thông vận tải
17	31004	Trung tâm y tế Lê Chân	Cấp cơ bản	21	102.200	88.844,58	102.200	
18	31331	Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Hải Phòng	Cấp cơ bản	25	5.000	12.180,29	10.000	
19	31020	Trung tâm y tế Hải An	Cấp cơ bản	17	56.200	51.624,72	56.200	
20	31340	Phòng khám đa khoa Gia An	Cấp ban đầu		1.000	167,08	1.000	
21	31581	Phòng khám đa khoa MedHomes (trực thuộc Công ty Cổ phần Y tế MedHomes)	Cấp ban đầu		2.000	3	5.000	
22	31005	Trung tâm Y tế Kiến An	Cấp cơ bản	17	86.500	82.173,5	86.500	
23	31292	Phòng khám đa khoa Hòa Bình	Cấp ban đầu		10.000	5.760,27	10.000	
24	31300	Bệnh viện Đa khoa Tâm Đức Hải Phòng	Cấp cơ bản	24	5.000	4.084,94	5.000	
25	31012	Trung tâm y tế Đồ Sơn	Cấp cơ bản	17	45.000	40.218,07	45.000	
26	31305	Trung tâm Y tế Dương Kinh	Cấp cơ bản	tạm xếp cấp	36.700	33.565,7	36.700	
27	31306	Phòng khám đa khoa Bình Dân Dương Kinh	Cấp ban đầu		4.500	3.778,21	4.500	
28	31006	Trung tâm Y tế Thủy	Cấp cơ bản	31	303.000	286.087,4	303.000	

STT	Mã CSKCB	Tên cơ sở KCB BHYT	Cấp CMKT	Điểm xếp cấp CMKT	Kế hoạch thẻ năm 2025	Số thẻ đã đăng ký KCB BD đến 31/10/2025	Kế hoạch thẻ năm 2026	Ghi chú
		Nguyên						
29	31326	Phòng khám đa khoa Vạn Phúc	Cấp ban đầu		6.000	3.397,5	6.000	
30	31311	Phòng khám đa khoa Trung Hà	Cấp ban đầu		7.000	2.655,66	10.000	
31	31157	Phòng khám Đa khoa Đức Trung	Cấp ban đầu		7.000	5.074,93	7.000	
32	31007	Trung tâm Y tế An Dương	Cấp cơ bản	23	149.200	140.686,8	149.200	
33	31330	Phòng khám đa khoa Trảng An	Cấp ban đầu		4.000	3.919,47	4.000	
34	31333	Phòng khám quốc tế Quang Thanh	Cấp ban đầu		6.000	1.527,4	6.000	
35	31008	Trung tâm Y tế An Lão	Cấp cơ bản	31	127.600	113.913,6	127.600	
36	31011	Trung tâm Y tế Kiên Thụy	Cấp cơ bản	17	117.400	105.708	117.400	
37	31010	Trung tâm y tế Tiên Lãng	Cấp cơ bản	18	134.000	124.481,9	134.000	
38	31312	Phòng khám đa khoa Đông Quy (thuộc Công ty cổ phần y tế Đông Quy)	Cấp ban đầu		13.700	7.720,3	13.700	
39	31310	Phòng khám đa khoa Khu 3 Thị trấn Tiên Lãng	Cấp ban đầu		1.000	10	1.000	
40	31009	Trung tâm Y tế Vĩnh Bảo	Cấp cơ bản	18	152.400	137.651,2	160.000	
41	31321	Phòng khám đa khoa Bình Dân Vĩnh Bảo	Cấp ban đầu		8.500	7.985,57	8.500	
42	31154	Phòng khám Đa khoa Liên Am	Cấp ban đầu		13.300	8.472,95	13.300	
43	31302	Phòng khám đa khoa Nam Cường	Cấp ban đầu		0	10.075,06	10.000	
44	31013	Trung tâm y tế Cát Hải	Cấp cơ bản	17	21.500	20.079	21.500	
45	31014	Bệnh viện đa khoa Đôn	Cấp cơ bản	17	13.500	11.843,2	13.500	

STT	Mã CSKCB	Tên cơ sở KCB BHYT	Cấp CMKT	Điểm xếp cấp CMKT	Kế hoạch thẻ năm 2025	Số thẻ đã đăng ký KCB BD đến 31/10/2025	Kế hoạch thẻ năm 2026	Ghi chú
		Lương						
46	31025	Trung tâm Y tế quân dân y Bạch Long Vĩ	Cấp cơ bản	17	400	389	400	
47	30013	Bệnh viện đa khoa Hải Dương	Cấp cơ bản	59	15.926	11.149,98	15.926	Đối tượng diện bảo vệ sức khỏe cán bộ từ Trung Tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ và không quá 11.000 số thẻ bảo hiểm y tế ban đầu;
48	30014	Bệnh viện quân y 7/Cục Hậu cần - kỹ thuật /Quân khu 3	Cấp cơ bản	55	34.878	34.457,03	50.000	
49	30015	Bệnh viện Trường Đại học KTYT Hải Dương	Cấp cơ bản	46	38.457	26.437,44	40.457	
50	30298	Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Dương	Cấp cơ bản	34	22.601	24.127,43	22.601	
51	30301	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Dương	Cấp cơ bản	31	27.948	28.362,95	27.948	
52	30330	Bệnh viện Nhi Hải Dương	Cấp cơ bản	36	48.100	51.358,44	48.100	
53	30307	Bệnh viện VPMED Tân Hưng Thuộc công ty cổ phần Bệnh viện VPMED	Cấp cơ bản	20	30.000	42.911,62	30.000	
54	30002	Trung tâm y tế Bình Giang	Cấp cơ bản	30	91.732	89.991	91.732	
55	30349	Phòng khám đa khoa Thành Đông I- Thuộc công ty TNHH Dược phẩm Thành Đông	Cấp ban đầu		7.616	2.145,09	7.616	
56	30355	Phòng khám đa khoa Trường Sơn thuộc Công ty cổ phần dịch vụ khám chữa bệnh Trường Sơn	Cấp ban đầu		7.616	2.012,72	7.616	

STT	Mã CSKCB	Tên cơ sở KCB BHYT	Cấp CMKT	Điểm xếp cấp CMKT	Kế hoạch thẻ năm 2025	Số thẻ đã đăng ký KCB BD đến 31/10/2025	Kế hoạch thẻ năm 2026	Ghi chú
57	30003	Trung tâm y tế Chí Linh	Cấp cơ bản	31	138.903	140.097,8	138.903	
58	30376	Phòng khám đa khoa Côn Sơn thuộc công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hoàng Hưng	Cấp ban đầu		7.616	0	7.616	
59	30408	Phòng khám đa khoa Lê Lợi thuộc Công ty TNHH đầu tư phát triển Phòng khám đa khoa Tâm Đức	Cấp ban đầu			0	2.000	
60	30004	Trung tâm y tế Nam Sách	Cấp cơ bản	21	101.451	104.194,1	101.451	
61	30304	Phòng khám đa khoa Tập Hà thuộc Công ty cổ phần Y tế Tập Hà	Cấp ban đầu		10.000	5.769,13	10.000	
62	30377	Phòng khám đa khoa quốc tế 256 thuộc Công ty cổ phần Quốc tế 256	Cấp ban đầu		4.808	1.147	4.808	
63	30005	Trung tâm y tế Kinh Môn	Cấp cơ bản	29	140.606	142.546,8	140.606	
64	30340	Phòng khám đa khoa Bảo An thuộc Công ty cổ phần Y tế Bảo An Phát	Cấp ban đầu		7.616	165	7.616	
65	30372	Phòng khám đa khoa Quốc tế Thuận An - Thuộc Công ty cổ phần đầu tư phát triển y tế và giáo dục Thuận An	Cấp ban đầu		7.616	2.728	7.616	
66	30381	Phòng khám đa khoa Phúc Hưng thuộc Công ty TNHH một thành viên y tế kỹ thuật cao Vạn Phúc Thành	Cấp ban đầu		4.848	5	4.848	
67	30006	Trung tâm y tế Ninh Giang	Cấp cơ bản		112.564	115.035,3	112.564	

STT	Mã CSKCB	Tên cơ sở KCB BHYT	Cấp CMKT	Điểm xếp cấp CMKT	Kế hoạch thẻ năm 2025	Số thẻ đã đăng ký KCB BD đến 31/10/2025	Kế hoạch thẻ năm 2026	Ghi chú
68	30332	Phòng khám đa khoa tư nhân Hồng Châu thuộc CTY TNHH Hồng Châu Ninh Giang	Cấp ban đầu		7.616	4.818	7.616	
69	30337	Phòng khám đa khoa Đức Minh thuộc công ty cổ phần thiết bị và công nghệ y tế Hiền Minh	Cấp ban đầu		7.616	913,37	7.616	
70	30373	Phòng khám đa khoa Thiện Tâm thuộc Công ty TNHH Dịch vụ thương mại y tế Thiện Tâm	Cấp ban đầu		7.616	48	7.616	
71	30391	Phòng khám đa khoa Như Ý thuộc Công ty TNHH Y HỌC GMED	Cấp ban đầu		7.616	2.320,13	7.616	
72	30007	Trung tâm y tế Tứ Kỳ	Cấp cơ bản	29	126.213	129.627,4	126.213	
73	30334	Phòng khám đa khoa An Bình thuộc Cty TNHH PK ĐK An Bình	Cấp ban đầu		18.560	17.610,39	18.560	
74	30403	Phòng khám đa khoa Cầu Xe thuộc Công ty TNHH đầu tư và phát triển y tế Tâm An	Cấp ban đầu			0	2.000	
75	30008	Trung tâm y tế Gia Lộc	Cấp cơ bản	27	93.893	94.339,65	93.893	
76	30348	Phòng khám đa khoa Đức Thành Long thuộc Công ty cổ phần Đông dược Thuận Thiên Đường	Cấp ban đầu		4.808	147,47	4.808	
77	30351	Phòng khám đa khoa Tuấn	Cấp ban		7.616	1.228,8	7.616	

STT	Mã CSKCB	Tên cơ sở KCB BHYT	Cấp CMKT	Điểm xếp cấp CMKT	Kế hoạch thẻ năm 2025	Số thẻ đã đăng ký KCB BD đến 31/10/2025	Kế hoạch thẻ năm 2026	Ghi chú
		Tài - thuộc Công ty TNHH MTV Tuấn Tài	đầu					
78	30375	Phòng khám đa khoa kỹ thuật cao Tuấn Hiền	Cấp ban đầu		7.616	235	7.616	
79	30009	Trung tâm y tế Thanh Hà	Cấp cơ bản	22	111.666	113.654,3	111.666	
80	30342	Phòng khám đa khoa Y cao Thanh Hà thuộc Công ty Cp đầu tư Y Cao Thanh Hà	Cấp ban đầu		7.616	1.282	7.616	
81	30393	Phòng khám đa khoa Đức Anh thuộc công ty TNHH Y dược Đức Anh	Cấp ban đầu		7.616	5	7.616	
82	30395	Phòng khám đa khoa Tâm An thuộc công ty cổ phần thương mại dịch vụ y tế Thái Dương	Cấp ban đầu		4.808	0	4808	
83	30010	Trung tâm y tế Kim Thành	Cấp cơ bản	28	115.132	122.250,2	115.132	
84	30358	Phòng khám đa khoa Kim Đính thuộc Cty TNHH đầu tư và phát triển y tế Vạn Sơn	Cấp ban đầu		4.808	1542,03	4.808	
85	30011	Trung tâm y tế Thanh Miện	Cấp cơ bản	30	115.963	121.352,2	115.963	
86	30343	Phòng khám đa khoa Hải Dương - Thanh Miện thuộc công ty TNHH Y cao 115 Group	Cấp ban đầu		7.616	904,66	12.616	
87	30356	Phòng khám đa khoa Hà Nội - Hải Dương thuộc Công ty cổ phần Y Hà Nội	Cấp ban đầu		7.616	524	7.616	
88	30374	Phòng khám đa khoa Tâm	Cấp ban		7.616	1.707,43	7.616	

STT	Mã CSKCB	Tên cơ sở KCB BHYT	Cấp CMKT	Điểm xếp cấp CMKT	Kế hoạch thẻ năm 2025	Số thẻ đã đăng ký KCB BD đến 31/10/2025	Kế hoạch thẻ năm 2026	Ghi chú
		Đức thuộc Công ty TNHH đầu tư phát triển phòng khám đa khoa Tâm Đức	đầu					
89	30012	Trung tâm y tế Cẩm Giàng	Cấp cơ bản	28	152.781	14.5912,5	152.781	
90	30345	Phòng khám đa khoa Quang Vĩnh Thuộc công ty TNHH khám chữa bệnh Vĩnh Linh	Cấp ban đầu		7.616	59	7.616	
91	30352	Phòng khám đa khoa Tín Đức Cẩm Giàng thuộc công ty cổ phần phòng khám đa khoa Phúc An Hải Dương	Cấp ban đầu		7.616	8	12.616	
92	30001	Trung tâm y tế Hải Dương	Cấp cơ bản	33	93.316	10.5627,3	93.316	
93	30339	Phòng khám ĐK Thanh Bình thuộc Công ty cổ phần Đại Đồng Đường	Cấp ban đầu		17.123	17.328,95	17.123	
94	30347	Phòng khám đa khoa quốc tế Hải Dương thuộc công ty cổ phần Phúc An Hải Dương	Cấp ban đầu		10.474	10.013,17	10.474	
95	30383	Phòng khám đa khoa Quốc tế Hà Nội Thuộc công ty cổ phần Hưng Thịnh Phát THT	Cấp ban đầu		10.598	12.010,37	10.598	
96	30394	Phòng khám đa khoa Hiện Long thuộc công ty cổ phần y tế Hiện Long	Cấp ban đầu		4.808	1	4.808	
97	30390	Phòng khám đa khoa Bạch Mai thuộc công ty TNHH Thành Đạt BM	Cấp ban đầu		4.808	2	4.808	
98	31585	Phòng khám đa khoa kỹ	Cấp ban		0	0	2.000	

STT	Mã CSKCB	Tên cơ sở KCB BHYT	Cấp CMKT	Điểm xếp cấp CMKT	Kế hoạch thẻ năm 2025	Số thẻ đã đăng ký KCB BD đến 31/10/2025	Kế hoạch thẻ năm 2026	Ghi chú
		thuật cao Tuấn Hiền 2	đầu					
99	31583	Phòng khám đa khoa Medical Hải Phòng (Trực thuộc Công ty cổ phần Medical Hải Phòng)	Cấp ban đầu		0	0	2.000	
100	31034	Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng	cấp cơ bản		0	0	10.000	Chỉ tiếp nhận đối tượng KCB BD nội tỉnh cán bộ, viên chức đang làm việc tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng; Người có công với Cách mạng, cựu chiến binh; người từ đủ 75 tuổi trở lên sinh sống trên địa bàn phường An Hải; Người công tác trong quân đội, công an khi nghỉ hưu; người dân sinh sống trên địa bàn phường An Hải: TDP Xích Thổ, TDP Vĩnh Khê, TDP Vĩnh Hợp, TDP Vân Tra, TDP Văn Phong , TDP Văn Cú, TDP Trang Quan, TDP Tô Chử, TDP Hòa Bình, TDP Minh Kha, TDP Kiều Trung, TDP Kiều Đông, TDP Kiến Phong, TDP Hoàng Mai, TDP đường 208, TDP Đào Yêu, TDP Đại Lộ, TDP Cái Tắt, TDP Bạch Mai, TDP An Trang, TDP An Dương, TDP Tiên Xa, TDP Hy Tái.
		Tổng	0		3.876.346	3.596.531	4.030.906	